

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 12 năm 2025
V/v “tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Hữu Thọ**

Bà **Hà Thị Loan**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Hoàng Thị Thúy Minh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông **Đinh Tiến Kiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 7, xã T, tỉnh P.

Bị đơn: Ông **KITADE TOSHIKI**, sinh năm 1947 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 6 – Ban chi, 43 kitamuki, odanosawa, Higashidori, shimokita, Aomori, Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và ông **KITADE TOSHIKI** kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh P, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/9/2012. Trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ và quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng ly thân nhau đã lâu nay ông **KITADE TOSHIKI** đang ở Nhật Bản còn chị ở Việt Nam, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với ông **KITADE TOSHIKI**.

Về con chung: Chị và ông KITADE TOSHIAKI không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và ông KITADE TOSHIAKI không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cả phần án phí của ông KITADE TOSHIAKI.

Bị đơn: Ông KITADE TOSHIAKI có bản tự khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh P và Cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/9/2012 (Bản chính). Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian ngắn sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không phù hợp nhau về tính nết, văn hóa, ngôn ngữ và lối sống, mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không những không khắc phục được mà ngược lại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, thêm nữa kết hôn thời gian dài nhưng lại không có con chung, không biết nguyên nhân tại ai nên vợ chồng không có sự gắn kết. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Ông và chị Nguyễn Thị N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ về tài sản khác: Ông và chị Nguyễn Thị N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Hiện nay ông ở xa không thể về Việt Nam làm việc được với Tòa án nên ông đồng ý ly hôn và các giấy tờ ông gửi qua cô Nguyễn Thị N nhận cho ông và thông báo lại cho ông khi có bản án của Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 153, 271, 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và ông KITADE TOSHIAKI.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã T, tỉnh P. Ông KITADE TOSHIAKI có quốc tịch Nhật Bản và không sinh sống tại Việt Nam. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông KITADE TOSHIAKI sau khi được chị N thông báo về việc Tòa án nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ thụ lý, ông KITADE TOSHIAKI đã gửi toàn bộ giấy tờ tài liệu, chứng cứ và đơn xin giải quyết vắng mặt có chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự - Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Ô-XA-CA, Nhật Bản về qua chị N và chị N đã nộp lại cho Tòa án nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ để đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn ông KITADE TOSHIAKI. Chị Nguyễn Thị N cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N và ông KITADE TOSHIAKI theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và ông KITADE TOSHIAKI đăng ký kết hôn ngày 18/9/2012 tại Ủy ban nhân dân tỉnh P, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị N và ông KITADE TOSHIAKI chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ và quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đời sống vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau, mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không những không khắc phục được mà ngược lại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, thêm nữa kết hôn thời gian dài nhưng lại không có con chung. Hiện chị Nguyễn Thị N ở Việt Nam, ông KITADE TOSHIAKI ở Nhật Bản không có sự chia sẻ, đời sống hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm không còn nên chị làm đơn xin ly hôn với ông KITADE TOSHIAKI.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện chị Nguyễn Thị N và ông KITADE TOSHIAKI mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xét xử công nhận thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị N và ông KITADE TOSHIAKI.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và ông KITADE TOSHIAKI không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị N và ông KITADE TOSHIAKI không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N và ông KITADE TOSHIAKI thuận tình ly hôn nên mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nhưng xét thấy tại đơn đề nghị của chị Ngọc, chị tự nguyện nhận nộp thay cả phần án phí ly hôn của ông KITADE TOSHIAKI.

Hội đồng xét xử xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, 55, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và ông KITADE TOSHIAKI.

2. Về con chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 75.000đ (Bảy lăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông KITADE TOSHIAKI phải chịu 75.000đ (Bảy lăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp thay ông KITADE TOSHIAKI phần án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003179 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị Nguyễn Thị N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và ông KITADE TOSHIAKI vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 4 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh ú hộ;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thủy